

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2023/DS-ST
Ngày: 08-9-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Trang;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Phương T**, sinh năm 1981 (Có mặt);

Địa chỉ: Khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà **Lê Kim P**, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. *Người làm chứng:*

Anh **Nguyễn Tấn M**, sinh năm 1996 (Có mặt);

Địa chỉ: Khu phố C, phường K, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, biên bản làm việc, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Phương T trình bày:

Do quen biết nên trước đây bà có cho bà Lê Kim P vay tiền nhiều lần. Vào ngày 26/8/2022, bà P hỏi vay bà số tiền 168.000.000 (một trăm sáu mươi tám triệu) đồng và bà đồng ý, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 04 tháng (từ ngày 26/8/2022 đến ngày 26/12/2022), mục đích vay là để làm ăn, không lãi suất. Khi cho vay, hai bên không có lập giấy tờ nhưng để làm tin nên sau đó bà có yêu cầu bà P lập giấy tờ. Ngày 09/12/2022, do không có xe nên bà nhờ bạn của con bà là anh Nguyễn Tấn M chở bà đến quán café để gặp bà P. Tại quán café, bà có đưa mẫu Hợp đồng cho cá nhân vay tiền để hai bên thống nhất viết (chính là Hợp đồng cho cá nhân vay tiền mà bà đã nộp cho Tòa án). Trong Hợp đồng, bà P viết thông tin cá nhân của bà P gồm họ tên, giới tính, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch, số CMND, hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện nay, số điện thoại, cuối Hợp đồng bà P có ký tên, ghi rõ họ tên và lấn tay; còn các chữ viết tay còn lại là của bà, cuối Hợp đồng bà có ký tên và ghi rõ họ tên. Bà P còn đưa căn cước công dân của bà ra để đối chiếu lại thông tin cá nhân của bà. Anh M có đưa căn cước công dân của anh ra, đồng ý làm người làm chứng và có ký tên, ghi rõ họ tên, lấn tay vào Hợp đồng cho cá nhân vay tiền giữa bà và bà P; anh M cũng là người chạy đi mua hộp mực để anh và bà P lấn tay. Địa điểm lập Hợp đồng là ở quán café giáp ranh giữa thành phố B, tỉnh Bến Tre và xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre nên lúc đó bà nghĩ là thuộc thành phố B nên mới ghi trong Hợp đồng là tại thành phố B.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay của bà P ghi trong Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/12/2022 giữa bà và bà P là căn cứ vào căn cước công dân của bà P. Ngoài ra, bà chỉ biết thêm là bà P có sinh sống tại địa chỉ ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre, ngoài ra bà không biết bà P có đang sinh sống tại địa chỉ nào khác hay không. Bà lựa chọn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm căn cứ vào địa chỉ ghi trong Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/12/2022 giữa bà và bà P, bà cam đoan không khởi kiện tại các Tòa án khác.

Bà liên hệ rất nhiều lần yêu cầu bà P trả số tiền đã vay nhưng bà P trốn tránh không trả, việc này đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà nên nay bà khởi kiện yêu cầu bà P trả cho bà số tiền vay là 168.000.000 (một trăm sáu mươi tám triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo biên bản làm việc và tại phiên tòa, người làm chứng anh Nguyễn Tấn M trình bày:

Anh là bạn của con bà T. Ngày 09/12/2022, do không có xe nên bà T có nhờ anh chở đến quán café ở xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre để gặp bà P. Tại quán café, anh nghe bà T và bà P trao đổi là bà P có vay bà T số tiền là 168.000.000 (một trăm sáu mươi tám triệu) đồng và có hứa cuối tháng 12/2022 sẽ hoàn trả lại đầy đủ. Bà T có đưa Hợp đồng để các bên thống nhất viết (chính là Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/12/2022 mà bà T đã nộp cho Tòa án). Trong Hợp đồng, bà P viết thông tin cá nhân của bà P gồm họ tên, giới tính, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch, số CMND, hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện nay, số điện thoại, cuối Hợp đồng bà P có ký tên, ghi rõ họ tên và lấn tay; còn các chữ viết tay còn lại là của bà T, cuối Hợp đồng bà T có ký tên và ghi rõ họ tên. Bà P còn đưa căn cước công dân của bà ra để đối chiếu lại thông tin cá nhân của bà. Anh có đưa căn cước công dân của anh ra, đồng ý làm người làm chứng và có ký tên, ghi rõ họ

tên, lẫn tay vào Hợp đồng cho cá nhân vay tiền giữa bà T và bà P; anh cũng là người chạy đi mua hộp mực để anh và bà P lẫn tay.

Anh cam đoan lời trình bày trên của anh là đúng sự thật, có gì sai trái anh hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn bà P đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và người làm chứng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Theo Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/12/2022 do bà T cung cấp có chữ ký tên, ghi rõ họ tên của bà T, bà P và anh M, ngoài ra bà P và anh M có lẫn tay thì vào ngày 26/8/2022 bà P có vay của bà T số tiền 168.000.000 (một trăm sáu mươi tám triệu) đồng, không lãi suất, thời hạn vay từ ngày 26/8/2022 đến ngày 26/12/2022, nếu bà P không thực hiện đúng cam kết thì sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật. Do đó, đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không lãi suất. Đến nay đã quá hạn nhưng bà P không trả cho bà T số tiền trên. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà P đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng bà P đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Như vậy, bà T khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền gốc tổng cộng là 168.000.000 (một trăm sáu mươi tám triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi là có cơ sở. Do đó, căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà P trả cho bà T số tiền gốc tổng cộng là 168.000.000 (một trăm sáu mươi tám triệu) đồng, ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết buộc bà P trả số tiền gốc đã vay tổng cộng là 168.000.000 (một trăm sáu mươi tám triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Theo Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/12/2022 thì bà P cư trú tại xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, theo Biên bản xác minh ngày 12/5/2023 thì

Công an xã T xác nhận bà P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng không còn sinh sống tại địa chỉ trên hơn 01 năm nay, hiện không biết bà P đang sinh sống tại đâu. Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã thông báo yêu cầu bà T cung cấp địa chỉ mới của bà P, bà T cung cấp địa chỉ mới của bà P là ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre, nhưng theo Biên bản xác minh ngày 12/7/2023 thì Công an xã S xác nhận bà P không có đăng ký hộ khẩu thường trú, không có đăng ký tạm trú và không có sinh sống tại địa chỉ trên, hiện không biết bà P đang sinh sống tại đâu. Do đó, có căn cứ xác định bà P cố tình giấu địa chỉ.

Như vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiếp tục giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn bà P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà P.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T:

Theo bà T trình bày thì vào ngày 26/8/2022 bà P có vay bà số tiền gốc tổng cộng là 168.000.000 (một trăm sáu mươi tám triệu) đồng, không lãi suất, thời hạn vay từ ngày 26/8/2022 đến ngày 26/12/2022, đến nay đã quá hạn, bà đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà P trốn tránh không trả số tiền trên nên bà khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà T là Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/12/2022 có nội dung là bà P có vay bà T số tiền 168.000.000 (một trăm sáu mươi tám triệu) đồng, không lãi suất, thời hạn vay từ ngày 26/8/2022 đến ngày 26/12/2022 sẽ hoàn tất thanh toán đủ số tiền 168.000.000 (một trăm sáu mươi tám triệu) đồng cho bà T, nếu bà P không thực hiện đúng cam kết thì sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật; cuối Hợp đồng bà T, bà P và anh M có ký tên, ghi rõ họ tên, bà P và anh M còn lấn tay vào Hợp đồng. Như vậy, đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không lãi suất, là bản viết tay, không có công chứng hoặc chứng thực. Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Điều luật này không quy định bắt buộc về hình thức của hợp đồng vay tài sản và cũng không yêu cầu phải công chứng hoặc chứng thực. Tòa

án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà P đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng bà đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Ngoài ra, người làm chứng anh M cũng xác nhận bà P có vay bà T số tiền 168.000.000 (một trăm sáu mươi tám triệu) đồng và có cam kết đến cuối tháng 12/2022 sẽ hoàn trả lại đầy đủ; bà T và bà P có viết Hợp đồng, chính là Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/12/2022 mà bà T đã nộp cho Tòa án, cuối Hợp đồng bà T, bà P và anh có ký tên, ghi rõ họ tên, bà P và anh còn lấn tay vào Hợp đồng (hộp mực là do anh đi mua). Như vậy, Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/12/2022 có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự, từ đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của bà T và bà P.

Theo Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/12/2022 thì thời hạn vay từ ngày 26/8/2022 đến ngày 26/12/2022 nhưng đến nay đã quá hạn nhưng bà P vẫn không trả số tiền đã vay cho bà T. Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Do đó, việc bà T khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền gốc tổng cộng là 168.000.000 (một trăm sáu mươi tám triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi là có cơ sở nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 168.000.000 đồng x 5% = 8.400.000 (tám triệu bốn trăm nghìn) đồng do bị đơn bà P phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, 119, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Phương T đối với bị đơn bà Lê Kim P theo Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/12/2022:

Buộc bà Lê Kim P có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Thị Phương T số tiền gốc tổng cộng là 168.000.000 (một trăm sáu mươi tám triệu) đồng, ghi nhận bà Võ Thị Phương T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.400.000 (tám triệu bốn trăm nghìn) đồng do bà Lê Kim P phải nộp.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho bà Võ Thị Phương T số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 4.200.000 (bốn triệu hai trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003410 ngày 20/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Phương Yến